



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024**  
**(NĂM TÀI CHÍNH ĐẦU TIÊN BẮT ĐẦU TỪ NGÀY 01/11/2024 ĐẾN NGÀY 31/12/2024)**

## **MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 – 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 – 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 – 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 – 43

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt (sau đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.

**THÔNG TIN CHUNG.**

Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt được thành lập và hoạt động từ ngày 01/11/2024 dựa trên cơ sở hợp nhất 02 doanh nghiệp là Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn theo văn bản số 303/TTg-ĐMDN ngày 7/4/2024 của Thủ tướng chính phủ về phương án cơ cấu lại doanh nghiệp, các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và thông báo số 141/TB/ĐU ngày 04/05/2022 của Đảng ủy của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và các văn bản chỉ đạo của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0110879376 ngày 01/11/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu ngày 01/11/2024, vốn điều lệ của Công ty là 1.303.689.700.000 đồng được chia thành 130.368.970 cổ phần.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính đầu tiên và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Văn Hoan	Chủ tịch	(i)
Ông Đào Anh Tuấn	Thành viên	(i)
Ông Nguyễn Văn Khiên	Thành viên	(i)
Ông Thái Văn Truyền	Thành viên	(i) Miễn nhiệm ngày 06/12/2024
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên	(ii)
Ông Hà Trọng Thắng	Thành viên	(ii)

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01-24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024 Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01-24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/12/2024 Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt.

**Ban Kiểm soát**

Bà Vương Phương Thảo	Trưởng ban	(i)
Ông Lê Trần Hùng	Thành viên	(i)
Ông Vũ Đình Điệp	Thành viên	(i)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đào Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	(iii)
Ông Thái Văn Truyền	Phó Tổng Giám đốc	(iv)
Ông Trần Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	(v)
Ông Nguyễn Hồng Linh	Phó Tổng Giám đốc	(vi)
Ông Mai Thế Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	(vii)
Ông Hà Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc	(viii)



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/11/2024 và kết thúc vào ngày 31/12/2024 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

**Ý KIẾN CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đào Anh Tuấn**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Số: 116/2025/UHY-BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 25 tháng 02 năm 2025, được trình bày từ trang 7 đến trang 43 kèm theo bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/12/2024 và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số IV.2 – Giả định hoạt động liên tục thuộc phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó trình bày thông tin về: Tại ngày 31/12/2024, tổng giá trị các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tổng tài sản ngắn hạn là 276.497.194.654 đồng, lỗ lũy kế của Công ty là 622.827.142.162 đồng. Vấn đề này được Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày tại Thuyết minh số IV.2.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



**Hà Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
*Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025*

**Lê Đức Hạnh**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3340-2025-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2024 VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>692.130.761.275</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>224.907.409.565</b>
Tiền	111		164.907.409.565
Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>95.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	95.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>173.335.530.515</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	181.721.381.052
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.604.934.623
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	41.185.091.497
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(56.175.876.657)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>177.034.676.475</b>
Hàng tồn kho	141		183.366.976.943
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.332.300.468)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>21.853.144.720</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	16.254.951.557
Thuế GTGT được khấu trừ	152		85.681.961
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	5.512.511.202
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.633.250.047.513</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>73.621.490</b>
Phải thu dài hạn khác	216		73.621.490
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.486.161.863.607</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.479.244.536.855
- Nguyên giá	222		6.161.881.729.175
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.682.637.192.320)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6.917.326.752
- Nguyên giá	228		9.788.421.630
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.871.094.878)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>582.190.739</b>
- Nguyên giá	231		6.650.965.152
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.068.774.413)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.958.902.139</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	2.958.902.139
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>753.000.000</b>
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	V.2	753.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>142.720.469.538</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	142.720.469.538
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.325.380.808.788</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2024 VND</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.639.899.441.073</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>968.627.955.929</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	198.984.125.167
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	5.123.917.020
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	87.728.326.842
Phải trả người lao động	314		184.725.040.715
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	48.194.618.794
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	309.760.683.852
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	38.165.944.663
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	95.811.688.660
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		37.610.216
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		96.000.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>671.271.485.144</b>
Phải trả dài hạn khác	337	V.18	533.668.450
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	670.737.816.694
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>685.481.367.715</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>685.481.367.715</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.303.689.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.303.689.700.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.618.809.877
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(622.827.142.162)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(624.195.888.096)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.368.745.934
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.325.380.808.788</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Đới Văn Toàn

Kế toán trưởng

Lương Văn Chiến

Tổng Giám đốc



Đào Anh Tuấn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/11/2024 đến 31/12/2024	
			VND	
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>662.149.995.554</b>	
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	556.053.704	
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>661.593.941.850</b>	
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	620.325.826.323	
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>41.268.115.527</b>	
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.305.781.249	
Chi phí tài chính	22	VI.5	10.067.737.189	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.067.686.789</i>	
Chi phí bán hàng	25	VI.6	33.221.159.704	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	15.023.329.103	
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(15.738.329.220)</b>	
Thu nhập khác	31	VI.9	19.973.741.091	
Chi phí khác	32	VI.10	2.866.665.937	
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>17.107.075.154</b>	
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.368.745.934</b>	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	-	
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>1.368.745.934</b>	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	10	
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	-	

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Đới Văn Toàn

Kế toán trưởng

Lương Văn Chiến

Tổng Giám đốc



Đào Anh Tuấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/11/2024 đến 31/12/2024 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.368.745.934</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		36.849.014.970
Các khoản dự phòng	03		70.000.000
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(1.411.012.586)
Chi phí lãi vay	06		10.067.686.789
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>46.944.435.107</b>
(Tăng), giảm khoản phải thu	09		(172.444.395.860)
Giảm, (Tăng) hàng tồn kho	10		(183.366.976.943)
(Giảm), Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		806.377.497.687
Giảm, (Tăng) chi phí trả trước	12		(158.975.421.095)
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.106.698.455)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>330.927.124.194</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.306.807.506)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(137.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		42.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		394.916.503
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(95.910.891.003)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.108.881.085)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(10.108.881.085)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>224.907.352.106</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>-</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		57.459
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>224.907.409.565</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Đới Văn Toàn

Kế toán trưởng

Lương Văn Chiến

Tổng Giám đốc



Đào Anh Tuấn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt (sau đây được gọi là “Công ty”) là Công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Luật Doanh nghiệp do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam nắm cổ phần chi phối, trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn, căn cứ văn bản số 303/TTg-ĐMDN ngày 7/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phương án cơ cấu lại doanh nghiệp, các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và thông báo số 141/TB/ĐU ngày 4/5/2022 của Đảng ủy của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và các văn bản chỉ đạo của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 0110879376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/11/2024.

Trụ sở chính Công ty tại: Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu của Công ty là 1.303.689.700.000 VND được chia thành 130.368.970 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số cán bộ nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2024 là 4.874 người.

**2. Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hành khách đường sắt: Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế;
- Vận tải hàng hóa đường sắt: Đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không;
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế, chế tạo, đóng mới và sửa chữa các phương tiện, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí;
- Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện và thiết bị vận tải;
- Các dịch vụ khác liên quan đến việc tổ chức và thực hiện chuyên chở hành khách, hành lý, bao gửi và hàng hóa bằng đường sắt;
- Cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, nhà xưởng, kho hàng, bãi hàng, bãi đỗ xe, ki ốt, các cơ sở hạ tầng phục vụ văn hóa, thể thao;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, lưu kho, bảo quản hàng hóa;
- Kinh doanh xăng, dầu, mỡ bôi trơn;
- Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Kinh doanh du lịch, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp các dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và các dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá).

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hành khách đường sắt;
- Vận tải hàng hóa đường sắt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Chi nhánh Đoàn tiếp viên Hà Nội	TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Đoàn tiếp viên Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Toa xe Hà Nội	TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải đường sắt, sửa chữa toa xe
Chi nhánh Toa xe Vinh	Tỉnh Nghệ An	Dịch vụ sửa chữa toa xe
Chi nhánh Toa xe Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	Dịch vụ sửa chữa toa xe
Chi nhánh Toa xe Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ sửa chữa toa xe
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Đông Anh	TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Hải Phòng	TP. Hải Phòng	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Hà Nội	TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Vinh	Tỉnh Nghệ An	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Huế	Tỉnh Quảng Bình	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Nha Trang	TP. Nha Trang	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Sóng Thần	Tỉnh Bình Dương	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Dịch vụ Vận tải Đa phương thức	TP. Hà Nội	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ

**5. Số liệu so sánh**

Kỳ kế toán từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/12/2024 là năm tài chính đầu tiên của Công ty nên không có số liệu so sánh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**II. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, là năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/11/2024 (ngày thành lập Công ty) và kết thúc vào ngày 31/12/2024.

**2. Đơn vị tiền tệ**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu bằng đồng Việt Nam.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016, các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu, chi phí và số dư giữa các đơn vị trực thuộc, văn phòng Công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**2. Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 31/12/2024, tổng giá trị các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tổng tài sản ngắn hạn là 276.497.194.654 đồng, lỗ lũy kế của Công ty là 622.827.142.162 đồng. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận tải hành khách, hàng hóa trên tuyến đường sắt quốc gia, với hoạt động đặc thù này, Công ty đang từng bước cải thiện tình hình kinh doanh: doanh thu tăng trưởng và kinh doanh có lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh; các hoạt động đầu tư, cải tiến năng lực vận tải đang tiếp tục triển khai cùng với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam (cổ đông chiếm 87,27% vốn điều lệ) và Bộ Giao thông Vận tải.

**3. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**5. Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư và công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau: Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

### **6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng; đối với các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và không điều chỉnh lại mức chi phí khấu hao đã trích kể từ thời điểm tài sản cố định hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đến thời điểm quyết toán được phê duyệt.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp)**

<b>Nhóm tài sản cố định</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 20
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10
Tài sản cố định khác	5

Các khoản lãi, lỗ khi phát sinh thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Theo Công văn số 2480/BTC-TCĐN ngày 05/3/2019 của Bộ Tài chính, Bộ Tài chính thống nhất việc điều chỉnh thời gian trích khấu hao của 250 toa xe chở container (mới) tối đa là 30 năm và 60 toa xe khách (mới) tối đa là 25 năm đối với Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2023 (thời điểm Công ty phải thanh lý hết số toa xe cũ hết niên hạn sử dụng). Việc kéo dài thời gian trích khấu hao của tài sản cố định là toa xe bảo đảm các quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính, đồng thời đảm bảo kinh doanh có lãi và nguồn vốn để thanh toán nợ.

Theo Công văn số 1479/BTC-TCĐN ngày 14/02/2020 của Bộ Tài chính, Bộ Tài chính thống nhất việc điều chỉnh thời gian trích khấu hao của 50 toa xe chở container (mới) tối đa không quá 30 năm và 90 toa xe khách (mới) tối đa không quá 25 năm đối với Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn trong thời gian từ năm 2019 đến hết năm 2023. Việc kéo dài thời gian trích khấu hao của tài sản cố định là toa xe (mới) phải đảm bảo không làm thay đổi kết quả kinh doanh từ lãi thành lỗ hoặc ngược lại tại năm quyết định thay đổi theo quy định tại tiết c khoản 3 điều 10 Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính, đồng thời đảm bảo trả nợ vay theo đúng hợp đồng tín dụng và thời hạn đã cam kết.

Áp dụng các Công văn trên, Công ty đã thực hiện điều chỉnh thời gian trích khấu hao của 250 toa xe chở container (mới) và 60 toa xe khách (mới) là 20 năm, áp dụng bắt đầu từ năm 2019 (thời gian khấu hao của các toa xe trên trong kỳ 2018 trở về trước là 15 năm); 50 toa xe chở container (mới) là 30 năm và 90 toa xe khách (mới) là 25 năm, áp dụng bắt đầu từ năm 2019 (thời gian khấu hao của các toa xe trên trong thời kỳ 2018 trở về trước là 15 năm). Tổng giá trị khấu hao tăng thêm trong kỳ do áp dụng thay đổi thời gian khấu hao nêu trên là 3.559.935.064 đồng.

**9. Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị của phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác. Các tài sản cố định vô hình này được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm giá mua, chi phí mua đang tập hợp, chi phí lắp đặt chạy thử, chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng, chi phí chung của ban quản lý và chi phí đi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng đưa vào sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**11. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

*Chi phí tương ứng doanh thu chưa thực hiện*

Bao gồm các khoản chi phí trực tiếp đã phát sinh trong quá trình bán vé tàu như: Hoa hồng các đại lý bán vé, chi phí sử dụng phần mềm bán vé điện tử, chi phí in ấn hóa đơn, phôi vé, phiếu lên tàu và các chi phí khác phát sinh khác (không bao gồm các chi phí bảo hiểm, kinh phí công đoàn, chi phí khấu hao, chi phí thuê cơ sở hạ tầng, chi phí thuê đất và sử dụng đất) tại chi nhánh vận tải tương ứng với phần doanh thu bán vé chưa thực hiện vận tải.

*Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng*

Giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí tương ứng doanh thu chưa thực hiện và các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty trong một năm (đối với chi phí trả trước ngắn hạn) và từ một năm trở lên (đối với chi phí trả trước dài hạn).

*Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm. Công ty thực hiện phân bổ theo ngày kể từ ngày toa xe nghiệm thu hoàn thành ra xưởng và sẵn sàng đưa vào sử dụng, với ước tính tổng thời gian phân bổ là 03 năm (tương ứng 1.095 ngày), giá trị phân bổ được tính theo số ngày phân bổ trong kỳ.

*Các khoản chi phí trả trước khác*

Được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

**12. Nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**13. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**14. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**15. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tở do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tở do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

**16. Doanh thu và thu nhập khác*****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh của giao dịch & chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. Doanh thu và thu nhập khác (tiếp)***Tiền lãi*

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

**17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập tính thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty còn khoản lỗ còn được chuyển là 396.568.912.783 đồng có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>
Tiền mặt	8.685.638.438
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	156.165.187.127
Tiền đang chuyển	56.584.000
Các khoản tương đương tiền (*)	60.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>224.907.409.565</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 03 tháng hưởng lãi suất 2,3%/năm tại các ngân hàng thương mại.

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2024</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	95.000.000.000	95.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>95.000.000.000</b>

(\*) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 06 tháng, hưởng lãi suất 5,18%/năm tại các ngân hàng thương mại.

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<b>31/12/2024</b>		
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Công ty Cổ phần Hải Vân Nam	738.400.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Khu vực 1	14.600.000	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>753.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này. Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2024
	VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>4.911.582.979</b>
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	4.440.055.798
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	218.286.688
- Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An	115.069.964
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	101.241.220
- Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	30.523.392
- Ban quản lý Dự án Đường sắt Khu vực 1	5.532.217
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Sài Gòn	873.700
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>176.809.798.073</b>
- Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	65.743.473.798
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đường sắt Đông Dương	38.834.820.874
- Các đối tượng khác	72.231.503.401
<b>Cộng</b>	<b>181.721.381.052</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2024
	VND
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>819.451.053</b>
- Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An	819.451.053
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>5.785.483.570</b>
- Công ty TNHH Điện máy Chiến Thắng N.G	4.193.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải	886.315.190
- Các nhà cung cấp khác	706.168.380
<b>Cộng</b>	<b>6.604.934.623</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Ký cược, ký quỹ	2.965.269.887	-
- Tạm ứng	1.297.088.039	-
- Phải thu khác ngắn hạn	36.922.733.571	(7.260.431.292)
+ <i>Phải thu liên quan đến doanh thu vận chuyển hàng hóa</i>	7.933.722.120	-
+ <i>Phải thu khác về chi phí chuyển tải do sự cố sập cầu Ghềnh (i)</i>	4.729.141.376	(4.729.141.376)
+ <i>Phải thu chi phí giải quyết sự cố tai nạn khác</i>	1.984.083.426	(826.538.716)
+ <i>Phải thu chi phí giải quyết sự cố tai nạn tàu SE</i>	1.704.751.200	(1.704.751.200)
+ <i>Phải thu bảo hiểm NLD</i>	1.994.818.826	-
+ <i>Thu thuế TNCN</i>	1.642.858.442	-
+ <i>Khác</i>	16.933.358.181	-
<b>Cộng</b>	<b>41.185.091.497</b>	<b>(14.520.862.584)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**5. Phải thu ngắn hạn khác (tiếp)**

(i) Là các chi phí phát sinh liên quan đến việc khắc phục sự cố sập cầu Ghềnh (thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) và tai nạn tàu SE2 lần lượt là 4.729.141.376 đồng và 1.704.551.200 đồng chưa được xử lý do chưa có kết quả phán quyết của cơ quan có thẩm quyền về xử lý sự cố cũng như trách nhiệm bồi thường của các bên liên quan. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng.

**6. Nợ xấu**

	31/12/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đường sắt Đông Dương	38.344.620.257	3.692.043.664
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Khu vực 1	9.469.953.924	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Bình Minh	3.518.238.828	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải	617.571.320	-
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	235.224.900	-
- Công ty Cổ phần Bê tông Bảo Quân Vĩnh Phúc	186.459.800	-
- Công ty Thương mại - Vận tải Tiến Đạt - (TNHH)	164.640.000	-
- Công ty Cổ phần Thương Mại Hải Nam	70.980.000	-
- Các đối tượng khác	7.260.231.292	-
<b>Cộng</b>	<b>59.867.920.321</b>	<b>3.692.043.664</b>

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	149.881.253.380	(6.332.300.468)
- Công cụ, dụng cụ	1.012.092.358	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.491.917.744	-
- Thành phẩm	713.069.066	-
- Hàng hóa	268.644.395	-
<b>Cộng</b>	<b>183.366.976.943</b>	<b>(6.332.300.468)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**8. Chi phí trả trước**

**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>
- Chi phí phân bổ theo doanh thu nhận trước (i)	12.913.345.886
- Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.341.605.671
<b>Cộng</b>	<b>16.254.951.557</b>

(i) Là các khoản chi phí trực tiếp đã phát sinh trong quá trình bán vé tàu như: Hoa hồng các đại lý bán vé, chi phí sử dụng phần mềm bán vé điện tử, chi phí in ấn hóa đơn, phôi vé, phiếu lên tàu và các chi phí khác phát sinh (không bao gồm các chi phí bảo hiểm, kinh phí công đoàn, chi phí khấu hao, chi phí thuê cơ sở hạ tầng, chi phí thuê đất và sử dụng đất) tại chi nhánh vận tải tương ứng với phần doanh thu bán vé chưa thực hiện vận tải tại ngày 31/12/2024.

**b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>
- Chi phí sửa chữa lớn toa xe khách, toa xe	129.564.241.528
- Chi phí thuê đất	1.636.793.955
- Chi phí trả trước dài hạn khác	11.519.434.055
<b>Cộng</b>	<b>142.720.469.538</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, Thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
- Nhận bàn giao từ hợp nhất	185.381.392.398	374.994.623.252	5.581.582.756.939	10.727.213.881	30.000.000	6.152.715.986.470
- Mua sắm trong kỳ	5.000.551.613	814.200.000	5.584.523.452	-	-	11.399.275.065
- Thanh lý, nhượng bán	-	(122.300.000)	(2.066.232.360)	(45.000.000)	-	(2.233.532.360)
<b>31/12/2024</b>	<b>190.381.944.011</b>	<b>375.686.523.252</b>	<b>5.585.101.048.031</b>	<b>10.682.213.881</b>	<b>30.000.000</b>	<b>6.161.881.729.175</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
- Nhận bàn giao từ hợp nhất	(109.273.534.555)	(345.981.546.542)	(4.132.649.426.394)	(9.416.863.076)	(50.767.990.143)	(4.648.089.360.710)
- Khấu hao trong kỳ	(834.268.000)	(1.495.698.241)	(33.657.631.365)	(625.318.364)	(168.448.000)	(36.781.363.970)
- Thanh lý, nhượng bán	-	122.300.000	2.066.232.360	45.000.000	-	2.233.532.360
<b>31/12/2024</b>	<b>(110.107.802.555)</b>	<b>(347.354.944.783)</b>	<b>(4.164.240.825.399)</b>	<b>(9.997.181.440)</b>	<b>(50.936.438.143)</b>	<b>(4.682.637.192.320)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>31/12/2024</b>	<b>80.274.141.456</b>	<b>28.331.578.469</b>	<b>1.420.860.222.632</b>	<b>685.032.441</b>	<b>50.966.438.143</b>	<b>1.479.244.536.855</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 1.973.045.732.420 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 713.256.629.042 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT**Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 – DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
- Nhận từ hợp nhất	8.416.285.868	1.225.135.762	147.000.000	9.788.421.630
<b>31/12/2024</b>	<b>8.416.285.868</b>	<b>1.225.135.762</b>	<b>147.000.000</b>	<b>9.788.421.630</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
- Nhận từ hợp nhất	(1.653.910.878)	(1.023.670.000)	(147.000.000)	(2.824.580.878)
- Khấu hao trong kỳ	(28.090.000)	(18.424.000)	-	(46.514.000)
<b>31/12/2024</b>	<b>(1.682.000.878)</b>	<b>(1.042.094.000)</b>	<b>(147.000.000)</b>	<b>(2.871.094.878)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>31/12/2024</b>	<b>6.734.284.990</b>	<b>183.041.762</b>	<b>-</b>	<b>6.917.326.752</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 330.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT**Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 – DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. Bất động sản đầu tư**

	Nhận từ hợp nhất VND	Tăng trong kỳ VND	31/12/2024 VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
- Nhà cửa, vật kiến trúc	6.650.965.152	-	6.650.965.152
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
- Nhà cửa, vật kiến trúc	(6.047.637.413)	(21.137.000)	(6.068.774.413)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
- Nhà cửa, vật kiến trúc	603.327.739	-	582.190.739

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Phát sinh trong kỳ VND	Kết chuyển VND	31/12/2024 VND
<b>Mua sắm mới tài sản cố định</b>	13.670.062.370	13.864.291.074	34.500.000
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	-	-	2.924.402.139
- Dự án "Nâng cấp cải tạo 08 toa xe khách" - Năm 2024 - Nhận bàn giao từ Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	-	-	609.673.500
- Lò xo Cao su TTCK TC - Công ty VTHH Bàn giao - Cty Sài Gòn	-	-	2.314.728.639
<b>Cộng</b>	<u>13.670.062.370</u>	<u>13.864.291.074</u>	<u>2.958.902.139</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13. Phải trả người bán**

	<b>31/12/2024</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng</b>
	<b>VND</b>	<b>trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>99.346.080.595</b>	<b>99.346.080.595</b>
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	95.402.351.215	95.402.351.215
- Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Khai thác Đường sắt Sài Gòn	357.092.279	357.092.279
- Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn	356.387.325	356.387.325
- Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội	190.531.135	190.531.135
- Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Khai thác Đường sắt Hà Thái Hải	80.855.041	80.855.041
- Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Khai thác Đường sắt Hà Nội	31.187.504	31.187.504
- Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Xí nghiệp Đầu máy Vinh	25.517.160	25.517.160
- Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Khai thác Đường sắt Hà Lạng	4.941.000	4.941.000
- Công ty Cổ phần Xe Lửa Gia Lâm	1.606.178.736	1.606.178.736
- Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào	521.273.200	521.273.200
- Công ty Cổ phần Xe Lửa Dĩ An	310.541.000	310.541.000
- Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng	209.625.000	209.625.000
- Công ty Cổ phần Thông tin tin hiệu Đường sắt Hà Nội	147.000.000	147.000.000
- Trường Cao đẳng Đường sắt	102.600.000	102.600.000
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>99.638.044.572</b>	<b>99.638.044.572</b>
- Công ty TNHH Vận tải Thuận Việt	16.430.510.686	16.430.510.686
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Dương Đông	6.897.484.477	6.897.484.477
- Công ty TNHH Thương Mại & Tư Vấn Kiến Trúc - Mỹ Thuật Nam Việt	4.875.909.326	4.875.909.326
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	4.391.313.381	4.391.313.381
- Các đối tượng khác	67.042.826.702	67.042.826.702
<b>Cộng</b>	<b>198.984.125.167</b>	<b>198.984.125.167</b>

**14. Người mua trả tiền trước**

	<b>31/12/2024</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng</b>
	<b>VND</b>	<b>trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Trả trước của các bên liên quan</b>	<b>23.359.000</b>	<b>23.359.000</b>
- Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An	6.418.000	6.418.000
- Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Phía Nam	16.941.000	16.941.000
<b>Người mua trả tiền trước khác</b>	<b>5.100.558.020</b>	<b>5.100.558.020</b>
- Công ty TNHH Du lịch PYS	1.771.562.320	1.771.562.320
- Công ty TNHH Tập đoàn TIIM	576.389.000	576.389.000
- Các đối tượng khác	2.752.606.700	2.752.606.700
<b>Cộng</b>	<b>5.123.917.020</b>	<b>5.123.917.020</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT**Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 – DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***15. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

	Số phát sinh trong kỳ		31/12/2024	
	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế Giá trị gia tăng	31.497.054.714	21.628.853.231	9.913.935.378	45.733.895
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(970.145.775)	501.316.247	920.388.394	2.391.850.416
Thuế thu nhập cá nhân	88.026.001	3.162.952.892	-	3.074.926.891
Thuế nhà đất và tiền thuê đất (i)	59.099.624.894	2.000.000.000	57.099.624.894	-
Các loại thuế khác	5.222.689	5.222.689	-	-
Phí, lệ phí (ii)	40.898.360.133	21.103.981.957	19.794.378.176	-
<b>Cộng</b>	<b>130.618.142.656</b>	<b>48.402.327.016</b>	<b>87.728.326.842</b>	<b>5.512.511.202</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>
- Chi phí lãi vay các dự án phải trả - Ngắn hạn	3.445.551.032
- Chi phí phải trả ngắn hạn khác	44.749.067.762
<b>Cộng</b>	<b>48.194.618.794</b>

**17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>
- Doanh thu bán vé chưa thực hiện	309.760.683.852
<b>Cộng</b>	<b>309.760.683.852</b>

Là khoản đã thu tiền bán vé trong kỳ nhưng khách hàng sử dụng dịch vụ vận tải trong kỳ sau.

**18. Phải trả khác**

**a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>
- Kinh phí công đoàn	1.450.359.688
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.517.189.364
- BHXH, BHYT, BHTN	79.360
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	30.198.316.251
+ Công ty TNHH Thương mại và Vận chuyển Hàng hóa Ý Minh (i)	18.267.444.877
+ Tiền cược vận chuyển hàng hóa nộp trước	5.811.771.614
+ Thuế TNCN phải trả NLĐ	2.271.174.488
+ Các khoản phải trả khác ngắn hạn	3.847.925.272
<b>Cộng</b>	<b>38.165.944.663</b>

(i) Khoản phải trả cho Công ty TNHH Thương mại và Vận chuyển Hàng hóa Ý Minh về bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng hợp tác kinh doanh số 40/HĐ-CTH-YM ngày 16/12/2018 và tiền khai thác 51 toa xe từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 10 năm 2019 theo Bản án số 177/2021/KDTM-PT ngày 02/11/2021 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội (chi tiết xem tại Thuyết minh số VII.5c

**b. Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2024</b>
	<b>VND</b>
- Ký cược, ký quỹ	296.168.450
- Các khoản phải trả dài hạn khác	237.500.000
<b>Cộng</b>	<b>533.668.450</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT**Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2024		Trong kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>95.811.688.660</b>	<b>95.811.688.660</b>	<b>105.920.569.745</b>	<b>10.108.881.085</b>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>95.811.688.660</i>	<i>95.811.688.660</i>	<i>105.920.569.745</i>	<i>10.108.881.085</i>
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (1)	22.390.784.340	22.390.784.340	27.988.480.425	5.597.696.085
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (2)	21.569.540.000	21.569.540.000	23.359.925.000	1.790.385.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (3)	16.504.000.000	16.504.000.000	17.255.000.000	751.000.000
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (4)	14.681.280.000	14.681.280.000	14.681.280.000	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 3 TP. Hồ Chí Minh (5)	11.818.800.000	11.818.800.000	13.788.600.000	1.969.800.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (6)	8.847.284.320	8.847.284.320	8.847.284.320	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>670.737.816.694</b>	<b>670.737.816.694</b>	<b>680.846.697.779</b>	<b>10.108.881.085</b>
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (1)	174.801.092.385	174.801.092.385	180.398.788.470	5.597.696.085
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (2)	134.907.296.041	134.907.296.041	136.697.681.041	1.790.385.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (3)	138.410.481.571	138.410.481.571	139.161.481.571	751.000.000
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (4)	106.476.080.000	106.476.080.000	106.476.080.000	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 3 TP. Hồ Chí Minh (5)	80.753.729.415	80.753.729.415	82.723.529.415	1.969.800.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (6)	35.389.137.282	35.389.137.282	35.389.137.282	-
<b>Cộng</b>	<b>766.549.505.354</b>	<b>766.549.505.354</b>	<b>786.767.267.524</b>	<b>20.217.762.170</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)**

(1) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (trước đây là Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội) bao gồm 02 khoản vay theo các hợp đồng:

- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 108.1866/2017/HĐTD-DN/PGBankHN ngày 19/10/2017 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức cho vay là 270.000.000.000 đồng nhưng không vượt quá 85% tổng mức đầu tư trước thuế của dự án “Đóng mới 30 toa xe khách”. Thời hạn cho vay là 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay theo quy định của PG Bank tại thời điểm giải ngân chi tiết theo từng kế ước nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán và thanh toán bù đắp chi phí đầu tư 30 toa xe. Phương thức cho vay từng lần theo dự án đầu tư. Biện pháp bảo đảm tiền vay: Quyền sở hữu và thụ hưởng bảo hiểm toàn bộ của 30 toa xe khách hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng số 06/2017/VTHN-XLDA-ĐTSC-TXHP- XLGL ký ngày 18/8/2017 giữa bên vay và Liên danh nhà thầu bao gồm: Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An, Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cẩm, Công ty Cổ phần Toa xe Hải Phòng và Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm.

- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 108.1369/2020/HĐTD-PN/PGBankHN ngày 31/12/2020 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội. Số tiền cho vay là 92.600.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay theo quy định của PG Bank tại thời điểm giải ngân chi tiết theo từng kế ước nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán và thanh toán bù đắp chi phí đóng mới 100 toa xe H khổ đường 1000mm. Phương thức cho vay từng lần theo dự án đầu tư. Biện pháp bảo đảm tiền vay: 100 toa xe H khổ đường 1000mm hình thành từ vốn vay thuộc Dự án Đầu tư xây dựng công trình “Đóng mới toa xe hàng - 100 toa xe H khổ đường 1000mm” theo Quyết định số 98/QĐ-HĐQT ngày 01/7/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội về việc phê duyệt Dự án Đầu tư xây dựng công trình “Đóng mới toa xe hàng - 100 toa xe H khổ đường 1000mm”.

(2) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm 02 khoản vay theo các hợp đồng:

- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số HĐ 01/2018/VCB-ĐSHN ngày 23/7/2018 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Mục đích để thanh toán cho dự án đóng mới 30 toa xe thuộc dự án “Đầu tư mới 30 toa xe khách vận chuyển trên tuyến Hà Nội - Hồ Chí Minh”. Thời hạn cho vay 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất năm đầu tiên là 9%/năm, lãi suất từ năm thứ 2 trở đi là bình quân lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả sau của 3 ngân hàng: Vietinbank, BIDV và Vietcombank + biên độ 2,8%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 01/2018/VCB-ĐSHN-PTGT ngày 23/7/2018 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng;

- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số HĐ 01/2019/VCB-ĐSHN ngày 20/02/2019 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Mục đích để thanh toán cho dự án cải tạo nâng cấp 30 toa xe khách. Hạn mức cho vay là 76.823.000.000 đồng. Lãi suất cho vay năm đầu tiên là 9%/năm sau đó được điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo thông báo của ngân hàng và thực hiện theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay xác định bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả sau bình quân của 3 ngân hàng: VietinBank, BIDV và Vietcombank trong từng thời kỳ + 2,8%/năm. Thời hạn cho vay là 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường sắt số 01.2019/HĐTC/VCB-ĐSHN ngày 20/02/2019 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)**

(3) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, theo:

- Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01.2018/HĐCV/VCB-ĐSSG ngày 20/12/2018 giữa Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Hạn mức tín dụng: 216.810.000.000 đồng.

Mục đích vay là để thực hiện dự án “Đầu tư mới 30 toa xe khách giai đoạn 2018 –2020 theo quyết định số 408/QĐ-HĐQT ngày 16/07/2018; thời hạn vay: 180 tháng; với mức lãi suất được quy định trên từng khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo là 30 toa xe khách hình thành trong tương lai thuộc dự án “Đầu tư mới 30 toa xe khách giai đoạn 2018 - 2020 theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường sắt 01.2018/HĐTC/VCB-ĐSSG ngày 20/12/2018.

- Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 02.2018/HĐCV/VCB-ĐSSG ngày 20/12/2018 giữa Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Hạn mức tín dụng: 45.000.000.000 đồng.

Mục đích vay là để thực hiện dự án “Đầu tư mới 50 toa xe Mc năm 2018; thời hạn vay 180 tháng; với mức lãi suất được quy định trên từng khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo là 50 toa xe hàng hình thành trong tương lai thuộc dự án “Đầu tư mới 50 toa xe Mc năm 2018 theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường sắt số 02.2018/HĐTC/VCB-ĐSSG ngày 20/12/2018.

(4) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (được đổi tên từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex) theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 441.0005/2018/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 17/01/2018 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển. Hạn mức tín dụng: 220.000.000.000 đồng.

Mục đích vay là để thanh toán và bù đắp chi phí đầu tư 30 toa xe tàu khách; thời hạn vay: 15 năm; với mức lãi suất được quy định trên từng khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo là 30 toa xe tàu khách mua mới theo hợp đồng thế chấp tài sản số 441.005/2018/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 17/01/2018, bao gồm: 16 toa xe giường nằm (ANL28), 08 toa xe giường cứng (BNL42), 02 toa xe ngồi mềm (AL56), 02 toa xe hàng com, 02 toa xe công vụ phát điện (CV-PD).

(5) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 3 Tp. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay dự án đầu tư số 01/2017-HĐCV/DADT/NHCT906-DUONGSATSG ngày 24/10/2017 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng.

Mục đích vay là để thanh toán các chi phí đầu tư của dự án đầu tư mới 30 toa xe khách; thời hạn vay: 15 năm, với mức lãi suất được quy định trên từng khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo là 30 toa xe của Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017-HĐTC/NHTC906-DUONGSATSG ngày 24/10/2017, bao gồm: 12 toa xe giường nằm lạnh 28 giường (AnL28), 10 toa xe ngồi mềm lạnh (AL56), 04 toa xe giường nằm lạnh 42 giường, 02 toa xe công vụ phát điện và 02 toa xe hàng com.

(6) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/3855530/HĐTD ngày 30/8/2019 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành. Mục đích để thanh toán cho dự án hoán cải, nâng cấp 45 toa xe khách. Hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên. Lãi suất cho vay năm đầu tiên là 9%/năm sau đó được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần theo thông báo của Ngân hàng và thực hiện theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của 3 ngân hàng: BIDV, Vietcombank, Vietinbank + biên độ 2,8%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2019/3855530/HĐBĐ ngày 30/8/2019 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
- Tăng vốn từ hợp nhất	1.303.689.700.000	-	-	1.303.689.700.000
- Quỹ hình thành từ hợp nhất	-	4.618.809.877	-	4.618.809.877
- Lỗ từ hợp nhất	-	-	(624.195.888.096)	(624.195.888.096)
- Lãi trong kỳ	-	-	1.368.745.934	1.368.745.934
<b>31/12/2024</b>	<b>1.303.689.700.000</b>	<b>4.618.809.877</b>	<b>(622.827.142.162)</b>	<b>685.481.367.715</b>

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2024	
	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ %
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.137.762.540.000	87,27%
- Các đối tượng khác	165.927.160.000	12,73%
	<b>1.303.689.700.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/11/2024 đến 31/12/2024 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	
- Vốn góp đầu kỳ	-
- Vốn góp tăng trong kỳ	1.303.689.700.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-
- Vốn góp cuối năm	1.303.689.700.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2024 Cổ phiếu
Số lượng CP đăng ký phát hành	130.368.970
Số lượng CP đã bán ra công chúng	130.368.970
- Cổ phiếu phổ thông	130.368.970
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	130.368.970
- Cổ phiếu phổ thông	130.368.970
(* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000

**e) Các quỹ của Doanh nghiệp**

	31/12/2024 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	4.618.809.877
<b>Cộng</b>	<b>4.618.809.877</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	<b>31/12/2024</b>
- Ngoại tệ các loại (USD)	200,00
- Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	7.514.026.770

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/11/2024 đến 31/12/2024</b>
	<b>VND</b>
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	662.063.641.887
+ <i>Doanh thu vận tải</i>	600.898.441.269
+ <i>Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải</i>	61.165.200.618
- Doanh thu khác	86.353.667
<b>Cộng</b>	<b>662.149.995.554</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Từ 01/11/2024 đến 31/12/2024</b>
	<b>VND</b>
- Chiết khấu thương mại	556.053.704
<b>Cộng</b>	<b>556.053.704</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/11/2024 đến 31/12/2024</b>
	<b>VND</b>
- Giá vốn dịch vụ vận tải	620.239.472.656
+ <i>Giá vốn vận tải</i>	562.359.241.757
+ <i>Giá vốn dịch vụ hỗ trợ vận tải</i>	57.880.230.899
- Giá vốn khác	86.353.667
<b>Cộng</b>	<b>620.325.826.323</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/11/2024 đến 31/12/2024</b>
	<b>VND</b>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.305.673.390
- Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá	107.859
<b>Cộng</b>	<b>1.305.781.249</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***5. Chi phí tài chính**

	Từ 01/11/2024 đến 31/12/2024
	VND
- Chi phí lãi vay	10.067.686.789
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện cuối kỳ	50.400
<b>Cộng</b>	<b>10.067.737.189</b>

**6. Chi phí bán hàng**

	Từ 01/11/2024 đến 31/12/2024
	VND
- Chi phí nhân công	25.572.527.177
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.034.346.625
- Chi phí khấu hao TSCĐ	378.777.364
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.077.279.152
- Chi phí bằng tiền khác	1.158.229.386
<b>Cộng</b>	<b>33.221.159.704</b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/11/2024 đến 31/12/2024
	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	7.427.797.472
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	350.672.839
- Chi phí đồ dùng văn phòng	202.254.341
- Chi phí khấu hao TSCĐ	165.534.000
- Thuế, phí, lệ phí	12.417.669
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.648.460.735
- Chi phí bằng tiền khác	3.216.192.047
<b>Cộng</b>	<b>15.023.329.103</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/11/2024 đến 31/12/2024
	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	2.610.699.297
- Chi phí nhân công	36.446.249.149
- Khấu hao tài sản cố định	221.821.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	340.609.313.553
- Chi phí bằng tiền khác	30.048.558.425
<b>Cộng</b>	<b>409.936.641.424</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. Thu nhập khác**

	Từ 01/11/2024 đến 31/12/2024
	VND
- Thu tiền phạt hợp đồng	5.319.099.411
- Thanh lý TSCĐ (*)	105.231.337
- Thu nhập khác	14.548.106.663
<b>Cộng</b>	<b>19.972.437.411</b>

(\*) Phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

**10. Chi phí khác**

	Từ 01/11/2024 đến 31/12/2024
	VND
- Các khoản bị phạt	367.333.986
- Các khoản chi phí khác	2.498.028.271
<b>Cộng</b>	<b>2.865.362.257</b>

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/11/2024 đến 31/12/2024
	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.368.745.934
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	367.333.986
- Các khoản tiền phạt và chi phí không hợp lệ khác	367.333.986
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	1.736.079.920
- Chuyển lỗ các năm trước	1.736.079.920
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các khoản lỗ tính thuế có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai như sau:

- Các khoản lỗ lũy kế	31/12/2024 (396.568.912.783)
-----------------------	---------------------------------

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp)**

Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2024 phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Do Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng trên báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này (nếu không được chuyển lỗ hàng năm) sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ	Thời gian chuyển lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển	Số lỗ còn được chuyển	Số lỗ đã hết hạn chuyển	Tình trạng
		VND	VND	VND	VND	
2020	2021-2025	366.201.669.712	152.270.544.306	213.931.125.406	-	Đã quyết toán
2021	2022-2026	182.637.787.377	-	182.637.787.377	-	Đã quyết toán
		<u>548.839.457.089</u>	<u>152.270.544.306</u>	<u>396.568.912.783</u>		

**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/11/2024 đến 31/12/2024
	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.368.745.934
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.368.745.934
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	130.368.970
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>10</b>

**13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Công ty xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan****a) Thông tin về các bên liên quan**

<b>STT</b>	<b>Tên Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
1	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	Cùng Công ty mẹ
3	Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An	Cùng Công ty mẹ
4	Công ty Cổ phần Quản lý đường sắt Yên Lào	Cùng Công ty mẹ
5	Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	Cùng Công ty mẹ
6	Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên	Cùng Công ty mẹ
7	Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam Đà	Cùng Công ty mẹ
8	Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Cùng Công ty mẹ
9	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Ga Đồng Đăng	Chi nhánh của Công ty cùng Công ty mẹ
10	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội	Chi nhánh của Công ty cùng Công ty mẹ
11	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Đà Nẵng	Chi nhánh của Công ty cùng Công ty mẹ
12	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn	Chi nhánh của Công ty cùng Công ty mẹ
13	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Vinh	Chi nhánh của Công ty cùng Công ty mẹ
14	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Lạng	Chi nhánh của Công ty cùng Công ty mẹ
15	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Lào	Chi nhánh của Công ty cùng Công ty mẹ
16	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Nội	Chi nhánh của Công ty cùng Công ty mẹ
17	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Thái Hải	Chi nhánh của Công ty cùng Công ty mẹ
18	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Thanh	Chi nhánh của Công ty cùng Công ty mẹ
19	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Lào Cai	Chi nhánh của Công ty cùng Công ty mẹ
20	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Nghệ Tĩnh	Chi nhánh của Công ty cùng Công ty mẹ
21	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Nghĩa Bình	Chi nhánh của Công ty cùng Công ty mẹ
22	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Phú Khánh	Chi nhánh của Công ty cùng Công ty mẹ
23	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Sài Gòn	Chi nhánh của Công ty cùng Công ty mẹ
24	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Thừa Thiên Huế	Chi nhánh của Công ty cùng Công ty mẹ
25	Ban Quản lý dự án Đường sắt KV1	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
26	Ban Quản lý dự án Đường sắt KV2	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
27	Ban Quản lý dự án Đường sắt KV3	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
28	Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
29	Trường Cao đẳng Đường sắt	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
30	Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng	Đơn vị thuộc Tổng Công ty

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp)**

**a) Thông tin về các bên liên quan (tiếp)**

STT	Tên Bên liên quan	Mối quan hệ
31	Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
32	Công ty Cổ phần TMDV Vận tải Hòa xa Sài Gòn	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
33	Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
34	Công ty Cổ phần Toa xe Hải Phòng	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
35	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
36	Công ty Cổ phần Vận tải và TM Hòa xa Hà Nội	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
37	Công ty TNHH DV Vận tải Hàng hóa Hà Nội Sài Gòn	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
38	Công ty TNHH In Đường sắt	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
39	Công ty TNHH MTV Du lịch Đường sắt Sóng Hồng	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
40	Công ty TNHH MTV Kho vận Đường sắt Sóng Thần	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
41	Công ty TNHH MTV TM DV Vận tải Đường sắt Khánh Hà	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
42	Công ty TNHH Vật tư Đường sắt Nghệ Tĩnh	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
43	Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Huế	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
44	Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt phía Nam	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
45	Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
46	Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
47	Công ty Cổ phần Thông tin Tin hiệu Đường sắt Hà Nội	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
48	Công ty Cổ phần Thông tin Tin hiệu Đường sắt Vinh	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
49	Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Khu vực I	Đơn vị thuộc Tổng Công ty
50	Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	Công ty liên kết với Tổng Công ty
51	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải	Công ty liên kết với Tổng Công ty

**b) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/11/2024 đến 31/12/2024 VND
<b>Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam</b>	
Doanh thu phục vụ ăn uống	7.426.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ cứu hộ đường sắt	3.553.253.758
Doanh thu cho thuê toa xe	1.061.550.720
Doanh thu dịch vụ công ty giao ( làm chung với công ty )	423.926.880
Doanh thu dịch vụ khác	6.603.454
Chi phí các tác nghiệp khác	978.274.000
Chi phí phần mềm bán vé	3.137.871.820
Chi phí dịch vụ khác	520.540.608
Chi phí dịch vụ tàu hàng	148.033.967.841
Chi phí tàu khách	132.852.571.000
Chi phí toa xe hàng	2.759.935.037

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp)**

**b) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)**

	Từ 01/11/2024 đến 31/12/2024 VND
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Khai thác Đường sắt Hà Nội</b>	
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	355.995.900
Chi phí thuê Kiot, Văn phòng	256.002.801
Chi phí dịch vụ nhà ăn	82.202.412
Chi phí điện năng	79.225.203
Chi phí khác	76.198.289
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Khai thác Đường sắt Nghệ Tĩnh</b>	
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	30.915.122
Chi phí trông giữ xe	63.636.364
Chi phí Điện năng	12.086.828
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Khai thác Đường sắt Nghĩa Bình</b>	
Doanh thu phục vụ dịch vụ ăn uống	17.968.000
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Khai thác Đường sắt Thừa Thiên Huế</b>	
Chi phí Điện năng	9.327.879
Chi phí thuê Kiot, Văn phòng	35.802.291
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	43.345.104
<b>Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Hà Nội</b>	
Doanh thu dịch vụ nhà ăn đường sắt	22.760.000
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Khai thác Đường sắt Sài Gòn</b>	
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	3.192.491.614
Chi phí điện năng	151.693.500
Tiền thuê sử dụng đất	82.709.750
Chi phí dịch vụ khác	64.675.560
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Xí nghiệp đầu máy Hà Nội</b>	
Doanh thu phục vụ dịch vụ ăn uống	5.276.000
Mua vật tư hàng hóa	332.319.240
Chi phí khác	675.000
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Xí nghiệp đầu máy Sài Gòn</b>	
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	18.181.818
Chi phí đào tạo	22.000.000
Chi phí tàu khách, toa xe khách	839.431.626
Chi phí xếp dỡ	1.680.000
Doanh thu điện nước	816.191
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Xí nghiệp đầu máy Vinh</b>	
Doanh thu dịch vụ khác	10.845.000
Chi phí toa xe khách	4.568.983
Chi phí - Công tác phục vụ vận chuyển HK&HL	45.750.000
Chi phí hỗ trợ phục vụ sản xuất khác	44.418.760
<b>Công ty Cổ phần xe lửa Gia Lâm</b>	
Doanh thu nhượng bán	326.606.700
Mua vật tư hàng hóa	202.552.774

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp)**

**b) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)**

	<b>Từ 01/11/2024 đến 31/12/2024 VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt</b>	
Doanh thu cung cấp dịch vụ sản phẩm tác nghiệp	6.212.333.219
Doanh thu khác	323.956.286
Doanh thu Sửa chữa xe cho Công ty CP Ratraco	418.441.932
Chi phí tàu hàng	1.100.467.809
Mua vật tư hàng hóa	109.748.926
<b>Công ty Cổ phần xe lửa Dĩ An</b>	
Doanh thu vận tải	348.872.707
Doanh thu khác	56.719.516
Mua vật tư hàng hóa	312.800.000
Chi phí trông giữ xe	83.112.500
Chi phí khác	3.863.574
<b>Chi nhánh Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Khai thác Đường sắt Phú Khánh</b>	
Chi phí dịch vụ xếp dỡ cơ giới	15.000.000
Chi phí thuê sử dụng đất, ki ốt văn phòng	53.760.000
<b>Chi Nhánh Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam - Khai thác Đường Sắt Hà Thái Hải</b>	
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	13.260.000
Chi phí trông giữ xe	25.205.000
Chi phí điện năng	33.796.770
Chi phí khác	261.000
<b>Chi Nhánh Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam - Khai thác Đường Sắt Lào Cai</b>	
Chi phí điện nước	22.727.400
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	1.827.500
<b>Chi Nhánh Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam - Khai thác Đường Sắt Hà Thanh</b>	
Chi phí điện năng	19.017.741
Chi phí khác	3.749.565
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	4.420.000
<b>Chi Nhánh Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam - Khai thác Đường Sắt Hà Lào</b>	
Chi phí điện năng	13.179.040
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	1.389.750
<b>Trường Cao đẳng Đường sắt</b>	
Chi phí đào tạo	25.800.000
<b>Trung tâm Y tế Đường sắt</b>	
Chi phí khám sức khỏe định kỳ	64.250.000
Chi phí khác	7.085.185
<b>Công ty cổ phần Đường sắt Thanh Hóa</b>	
Chi phí tàu hàng	42.490.500
<b>Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng</b>	
Chi phí đào tạo	209.625.000
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam - Khai thác Đường sắt Hà Lạng</b>	
Chi phí trông giữ xe	4.575.000
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	979.626
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam - Ga Đồng Đăng</b>	
Chi phí điện nước	4.520.000
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	2.176.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp)**

**b) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)**

Thu nhập của các thành viên chủ chốt trong kỳ như sau:

	Từ 01/11/2024 đến 31/12/2024 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>	<b>240.525.664</b>
- Ông Đỗ Văn Hoan	76.944.301
- Ông Đào Anh Tuấn	70.057.908
- Ông Thái Văn Truyền	30.915.870
- Ông Nguyễn Văn Khiên	62.607.585
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>247.783.445</b>
- Ông Nguyễn Hồng Linh	61.093.598
- Ông Trần Văn Nam	61.093.598
- Ông Mai Thế Mạnh	61.093.598
- Ông Nguyễn Hữu Thành	32.636.151
- Ông Hà Trọng Thắng	31.866.501
<b>Ban kiểm soát</b>	<b>65.129.805</b>
- Bà Vương Phương Thảo	54.441.504
- Ông Lê Trần Hùng	5.344.151
- Ông Vũ Đình Điệp	5.344.151
<b>Kế toán trưởng</b>	<b>56.962.086</b>
- Ông Lương Văn Chiến	56.962.086

**c) Số dư với các bên liên quan**

Số dư với các bên liên quan đã được trình bày ở các thuyết minh tại thuyết minh V.3, V.4, V.13, V.14.

**3. Báo cáo bộ phận**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vận tải đường sắt, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động kinh doanh và trong tổng tài sản. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**4. Số liệu so sánh**

Kỳ kế toán từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/12/2024 là năm tài chính đầu tiên của Công ty nên không có số liệu so sánh.

**5. Những thông tin khác**

**a) Quản lý sử dụng đất tại Công ty**

Công ty là doanh nghiệp được hợp nhất từ Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn, sau hợp nhất, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam nắm giữ khoảng 87,27% vốn điều lệ của Công ty; đồng thời, một số lô đất được giao, được thuê sử dụng chuyển giao cổ phần hóa tính vào vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty đang do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam ký kết và chưa được chuyển giao ký lại các hợp đồng thuê đất trực tiếp giữa Công ty và cơ quan quản lý Nhà nước tại địa phương. Theo đó, ngoài tiền thuê đất, tiền thuế đất phải nộp trực tiếp cho cơ quan thuế, Công ty phải nộp tiền thuê đất, tiền thuế đất thông qua Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***5. Những thông tin khác (Tiếp)****b) Hợp nhất doanh nghiệp**

Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt đã hoàn thành việc hợp nhất từ Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn theo phương án cơ cấu lại doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 303/TTg-ĐMDN ngày 07/4/2022 và Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 26/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam giai đoạn đến năm 2025. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 0110879376 vào ngày 01/11/2024. Trụ sở chính của Công ty tại số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 1.303.689.700.000 đồng.

**c) Thông tin về tranh chấp, kiện tụng**

Theo Bản án phúc thẩm số 177/2021/KDTM-PT ngày 02/11/2021 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội và trên cơ sở nguyên tắc thận trọng của Chuẩn mực kế toán: Công ty đã ghi nhận vào chi phí năm 2021 số tiền là 18.267.444.877 đồng (bao gồm khoản phải trả cho Công ty TNHH Thương mại và Vận chuyển Hàng hóa Ý Minh về bồi thường thiệt hại do vi phạm Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 40/HĐ-CTH-YM ngày 16/12/2008 là 17.623.809.695 đồng và tiền khai thác 51 toa xe từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 10 năm 2019 là 643.635.182 đồng).

Ngày 29/6/2022, Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ra Quyết định số 16/2022/KN-KDTM kháng nghị giám đốc, đề nghị Ủy ban Thẩm phán cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 177/2021/KDTM ngày 02/11/2021 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội và hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm 06/2022/KDTM-ST ngày 26/01/2021 và ngày 01/02/2021 của Tòa án Nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, giao Tòa án Nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, chưa có kết luận của giám đốc thẩm.

*Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025***Người lập biểu****Đới Văn Toàn****Kế toán trưởng****Lương Văn Chiến****Tổng Giám đốc****Đào Anh Tuấn**